

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện Thiết lập cơ sở dữ liệu để quản lý, theo dõi các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 387/BC-SKHĐT ngày 15/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện Thiết lập cơ sở dữ liệu để quản lý, theo dõi các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với nội dung chi tiết theo phụ lục 01, 02 đính kèm.

Điều 2. Chi cục Kiểm lâm chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.
- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Quốc Hùng



(Kèm theo Quyết định số 2112 /QĐ-UBND ngày 23 / 6 /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHỤ LỤC 01 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01 (tư vấn): Khảo sát thực trạng công tác quản lý cơ sở gây nuôi động vật hoang dã.	94.076.000 (Chín mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn).	Nguồn sự nghiệp nông nghiệp	Chỉ định thầu rút gọn		Quý II năm 2020	Tròn gói	Tối đa 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
2	Gói thầu số 02 (thiết bị): Thiết lập cơ sở dữ liệu để quản lý, theo dõi các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm số lượng và chủng loại theo phụ lục 02 đính kèm.	1.764.032.000 (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi bốn triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn).	Nguồn sự nghiệp nông nghiệp	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý III năm 2020	Tròn gói	Tối đa 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
3	Gói thầu số 03 (tư vấn): Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 02.	7.858.000 (Bảy triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn).	Nguồn sự nghiệp nông nghiệp	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Tròn gói	Tối đa 15 ngày cho mỗi loại công việc kể từ ngày ký hợp đồng.
4	Gói thầu số 04 (tư vấn): Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa	2.200.000 (Hai triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).	Nguồn sự nghiệp nông	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Tròn gói	Tối đa 10 ngày cho mỗi loại công việc kể từ

	chọn nhà thầu gói thầu số 02.		ngành				ngày ký hợp đồng.
5	Gói thầu số 05 (tư vấn): Quản lý dự án.	32.722.000 (Ba mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn).	Nguồn sự ngành nông ngành	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III năm 2020	Trọn gói	Từ ngày ký hợp đồng đến khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.
Tổng giá trị các gói thầu		1.900.888.000 đồng (Một tỷ, chín trăm triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn).					



PHỤ LỤC 02 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 23/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai).

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu, Số lượng	Thành tiền
Gói thầu số 02 (thiết bị): Thiết lập cơ sở dữ liệu để quản lý, theo dõi các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai			
1	Tạo lập cơ sở dữ liệu.		220.573.293
2	Xây dựng phần mềm ứng dụng.		1.462.487.497
3	Chi phí biên soạn cẩm nang về các loại bệnh trên động vật hoang dã.		39.200.000
4	Chi phí xây dựng bản đồ số hóa phân bố các cơ sở nuôi động vật hoang dã.		22.291.389
5	Chi phí đào tạo, huấn luyện.		19.480.000
	Tổng cộng		1.764.032.000